

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

CAO ĐÌNH HẢI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH
TRONG XU THẾ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THÔNG MINH

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ
MÃ SỐ: 9340410

HÀ NỘI - 2024

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: TS Đỗ Tất Cường

TS Đặng Đức Anh



Phản biện 1: PGS.TS. Lê Thái Phong

Trường Đại học Ngoại thương

Phản biện 2: PGS.TS. Lê Thanh Tâm

Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Phản biện 3: PGS.TS. Vũ Duy Nguyên

Học viện Tài Chính

**Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp
Học viện họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi 8 giờ 30 ngày 18 tháng 01 năm 2025

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia và
Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	2
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRONG XU THẾ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ THÔNG MINH Ở CẤP ĐỊA PHƯƠNG	6
1.1. Tổng quan các công trình liên quan đến đề tài luận án	6
1.2. Đánh giá chung các công trình liên quan đến đề tài luận án	6
1.3. Lựa chọn vấn đề nghiên cứu và khung phân tích luận án	7
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRONG XU THẾ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ THÔNG MINH Ở CẤP TỈNH	9
2.1. Khái quát về quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh	9
2.2. Cơ sở lý thuyết, nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế xây dựng thành phố thông minh ở cấp tỉnh và nhân tố ảnh hưởng	10
2.3. Kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh tại một số địa phương trên thế giới và bài học cho thành phố Đà Nẵng.....	12
Chương 3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRONG XU THẾ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THÔNG MINH	14
3.1. Thực trạng phát triển các hoạt động du lịch ở thành phố Đà Nẵng	14
3.2. Phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch ở thành phố Đà Nẵng trong xu thế phát triển thành phố thông minh.....	14
3.3. Đánh giá quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch ở thành phố Đà Nẵng trong xu thế phát triển thành phố thông minh	15
Chương 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRONG XU THẾ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ THÔNG MINH Ở ĐÀ NẴNG	17
4.1. Phân tích SWOT của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở thành phố Đà Nẵng	17
4.2. Quan điểm và bối cảnh mới của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở Đà Nẵng	18
4.3. Một số giải pháp cơ tính chiến lược của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở Đà Nẵng	18
KẾT LUẬN	21
CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA NCS CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	22

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Thành phố Đà Nẵng là một thành phố có vị trí địa lý quan trọng đối với sự phát triển toàn diện của đất nước về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Không những vậy, Đà Nẵng còn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, thể hiện qua nhiều Nghị quyết quan trọng.

Có thể nói rằng, mặc dù công tác QLNN ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian vừa qua được cải thiện nhiều và có kết quả tích cực, nhưng vẫn bộc lộ nhiều vấn đề cần khắc phục như: (i) chưa tận dụng được hết cơ hội để phát triển các HDDL của thành phố; (ii) chưa khai thác được hết tiềm năng trong phát triển các HDDL; (iii) chưa nhận diện được hết các điểm yếu của phát triển các HDDL; và (iv) chưa sẵn sàng để vượt lên thách thức đối với sự phát triển các HDDL, đặc biệt trong môi trường của công nghệ 4.0; (v) công tác QLNN chưa theo kịp với tiến trình số hóa, xu thế phát triển thành phố Đà Nẵng thông minh; (vi) đội ngũ cán bộ QLNN các cấp của thành phố chưa có được nhận thức nhất quán về nội dung QLNN đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố Đà Nẵng thông minh. Mặc dù những nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của cơ quan QLNN như quản lý xử lý chất thải, rác thải, đảm bảo an ninh trật tự cho khách đến thăm quan, du lịch ở thành phố Đà Nẵng và người bản địa, vệ sinh an toàn thực phẩm, ... luôn được cơ quan QLNN của thành phố quan tâm, nhưng đứng trước bối cảnh phát triển mới của các HDDL, cơ quan QLNN của thành phố Đà Nẵng đã bộc lộ nhiều điểm bất cập.

Gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 phê duyệt Đề án phát triển TPTM bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 và định hướng đến năm 2030. Theo đó, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 6493/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 về Đề án xây dựng TPTM giai đoạn 2018 – 2025, định hướng đến năm 2030. Đây là những chính sách tác động đến sự phát triển của các HDDL ở thành phố Đà Nẵng rất lớn, đặt ra nhiều vấn đề mà cơ quan QLNN của thành phố phải giải quyết. Bối cảnh phát triển của thành phố Đà Nẵng thay đổi, đối tượng QLNN của cơ quan quản lý thành phố cũng thay đổi, công nghệ QLNN cũng không ngừng được đổi mới. Điều đó dẫn đến sự cần thiết phải nghiên cứu, bổ sung kiến thức thực tế về QLNN đối với HDDL ở thành phố Đà Nẵng; và hơn thế nữa là trong một bối cảnh chưa từng có, đó là sự phát triển của TPTM – một loại hình thành phố mà chưa ai có đầy đủ kiến thức về nó để triển khai trong thực tế.

Vì vậy, tôi chọn đề tài “*Quản lý nhà nước đối với hoạt động du*

lịch trong xu thế phát triển thành phố Đà Nẵng thông minh” làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, với mong muốn luận giải cơ sở lý luận, thực tiễn, đề xuất phương hướng và giải pháp khả thi về quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố Đà Nẵng thông minh.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp có tính chiến lược để thực hiện tốt hơn công tác QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở Đà Nẵng.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu trên, Luận án đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn của QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp địa phương.

Thứ hai, nghiên cứu kinh nghiệm một số thành phố trên thế giới về QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở địa phương nghiên cứu và rút ra bài học kinh nghiệm cho thành phố Đà Nẵng.

Thứ ba, phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với HDDL của thành phố Đà Nẵng trong xu thế phát triển TPTM.

Thứ tư, phân tích SWOT, thực hiện QSPM đối với công tác QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở Đà Nẵng và đề xuất một số các giải pháp QLNN đối với HDDL trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong xu thế phát triển TPTM.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án xác định đối tượng nghiên cứu là quản lý nhà nước về du lịch trong xu thế phát triển thành phố Đà Nẵng thông minh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Thành phố Đà Nẵng

Về thời gian: Nghiên cứu, phân tích thực trạng QLNN đối với HDDL ở thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến 2023.

Về chủ thể quản lý: Luận án chỉ tập trung nghiên cứu các hoạt động QLNN của cơ quan thuộc UBND thành phố Đà Nẵng.

Về nội dung quản lý: Luận án tập trung nghiên cứu một số hoạt động QLNN cơ bản của cơ quan QLNN thuộc UBND thành phố Đà Nẵng.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

(1) Lý luận quản lý kinh tế đối với HDDL; (2) Lý thuyết phát triển đô thị thông minh trên thế giới; (3) Lý thuyết về quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong tác động của xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp địa phương; cụ thể, trong luận án NCS lựa chọn kết hợp 02 lý thuyết là lý thuyết các bên có liên quan và lý thuyết về chiến lược QLNN đối với HDDL ở cấp địa phương.

4.2. Cơ sở thực tiễn

- Thực trạng quản lý nhà nước đối với HDDL ở một số địa phương ở nước ngoài và thành phố Đà Nẵng từ 2011 đến 2023.

- Các đề án phát triển thành phố thông minh của một số địa phương ở Việt Nam bao gồm cả thành phố Đà Nẵng.

- Hệ thống các chính sách hiện hành có liên quan đến quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế xây dựng TPTM ở cấp tỉnh.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu: phương pháp duy vật lịch sử; phương pháp duy vật biện chứng; phương pháp trừu tượng hóa, phân tích – tổng hợp, lôgic - lịch sử; phương pháp thông kê, phân tích-định lượng, phương pháp chuyên gia, phương pháp so sánh; tiếp thu có chọn lọc một số kết quả của các công trình khoa học đã công bố.

5. Những điểm mới của luận án

Trên cơ sở phân tích khoảng trống nghiên cứu và kết quả nghiên cứu của luận án, Nghiên cứu sinh nhận thấy luận án có những điểm mới sau:

5.1. Về mặt lý thuyết:

- Luận án đề xuất 02 khái niệm mới: QLNN đối với HDDL, QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp địa phương.

- Đề xuất và làm rõ về mặt lý thuyết nội dung của QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp địa phương.

5.2. Về mặt phương pháp nghiên cứu:

NCS lựa chọn ứng dụng phương pháp nghiên cứu định tính, phỏng vấn sâu với công cụ là bảng hỏi với các câu hỏi mở và bảng hỏi đánh giá, xác định trọng số thành phần của công cụ ma trận hoạch định chiến lược (QSPM – Quantitative Strategic Planning Matrix) kết hợp với phân tích SWOT.

5.3. Về mặt thực tiễn:

- Luận án trình bày những phân tích mới dựa trên số liệu thống kê ở hai nguồn thứ cấp và sơ cấp trên cơ sở áp dụng khung khổ lý thuyết để mô tả các vấn đề có tính quy luật về QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM.

- Đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp mới nhằm hoàn thiện QLNN về du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến 2025, định hướng đến 2030 trong xu thế phát triển TPTM.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận án

- Bổ sung một số vấn đề mang tính chất lý luận về QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp địa phương.

- Đề xuất một hệ thống các giải pháp có căn cứ khoa học và thực tiễn tới cơ quan QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở thành phố Đà Nẵng.

- Là tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy QLNN về HDDL ở các trường đại học, cao đẳng cũng như biên soạn tài liệu cho các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, và phụ lục, phần Nội dung được chia thành 04 chương, 11 tiết.

Chương 1.
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH
TRONG XU THẾ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ THÔNG MINH Ở
CẤP ĐỊA PHƯƠNG

1.1. Tổng quan các công trình liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Nhóm công trình về quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch

(1) QLNN đối với HDDL ở cấp địa phương nhằm làm gia tăng lợi ích cho các bên có liên quan đến du lịch; (2) QLNN đối với HDDL thông qua việc xây dựng và triển khai các chiến lược quản lý khác nhau để tác động đến các khía cạnh môi trường, xã hội và kinh tế của du lịch; (3) về nội dung của QLNN đối với HDDL; (4) về nguyên tắc và phương thức, quy trình QLNN đối với HDDL ở cấp tỉnh; (5) Về các nhân tố ảnh hưởng tới QLNN đối với HDDL ở cấp địa phương; (6) về sự dẫn dắt định hướng cho công tác QLNN đối với HDDL ở cấp địa phương

1.1.2. Nhóm công trình về đổi mới quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp địa phương

(1) Đổi mới QLNN đối với HDDL trong xu thế xây dựng TPTM để hỗ trợ sự hình thành và phát triển các HDDL mới; (2) Đổi mới QLNN đối với HDDL ở cấp địa phương bằng việc ứng dụng các CNTT (ICT) để làm gia tăng hiệu quả của công tác QLNN và sử dụng tốt hơn nguồn lực ở địa phương; (3) Hàm ý về sử dụng chiến lược QLNN đối với HDDL trong bối cảnh phát triển TPTM.

1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về du lịch thông minh ở thành phố Đà Nẵng

(1) Nghiên cứu về du lịch thông minh ở thành phố Đà Nẵng; (2) Nghiên cứu về điểm đến thông minh ở thành phố Đà Nẵng; (3) Nghiên cứu về hệ sinh thái du lịch thông minh ở thành phố Đà Nẵng

1.2. Đánh giá chung các công trình liên quan đến đề tài luận án

(1) Các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án đã khá thành công trong việc luận giải về nội dung QLNN đối với HDDL ở cấp địa phương; (2) Các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án đều hướng tới mục tiêu đề xuất thực hiện dựa trên một chiến lược QLNN có tính hệ thống và nhất quán; (3) Các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án mặc dù không đặt trong bối cảnh của xu thế phát triển TPTM ở cấp địa phương nhưng đều có những hàm ý hữu ích cho mục tiêu nghiên cứu của đề tài luận án

1.3. Lựa chọn vấn đề nghiên cứu và khung phân tích luận án

1.3.1. Khoảng trống nghiên cứu

(1) Sự thay đổi của QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh trước ảnh hưởng của bối cảnh QLNN ở cấp địa phương; (2) nội dung của QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh mới chủ yếu đề cập đến quản lý điểm đến thông minh hơn là một hệ thống chính thể của QLNN ở địa phương; (3) mối tương tác qua lại giữa các bên có liên quan trong thực hiện QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh; (4) sự ảnh hưởng của ý thức hệ, ý thức chính trị đối với công cụ, cơ chế QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh chưa được luận giải toàn diện và thấu đáo; (5) cách tiếp cận tổng thể (holistic view) trong các nghiên cứu đã được phân tích trong tổng quan chưa được thực hiện toàn diện; (6) những nghiên cứu mới về các loại hình du lịch dưới ảnh hưởng của Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư ở Đà Nẵng chưa đề cập nhiều đến công tác QLNN của thành phố.

1.3.2. Lựa chọn vấn đề nghiên cứu

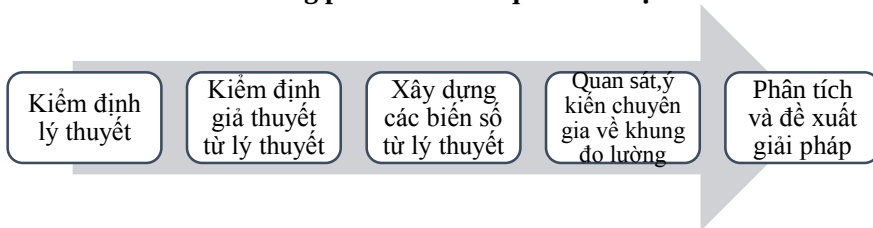
+ Công cụ QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh là chiến lược QLNN.

+ Chiến lược QLNN xây dựng dựa trên việc đánh giá những điểm yếu, điểm mạnh, cơ hội và thách thức của QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp địa phương.

+ Trong mối quan hệ tương tác giữa các bên có liên quan, mà biểu hiện ở cấp độ khái quát nhất là mối quan hệ giữa nhà nước – thị trường – dân cư, cũng có thể gọi là chính quyền – thị trường – cộng đồng ở cấp địa phương, NCS lựa chọn việc thực hiện đánh giá QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp địa phương nên theo định hướng dẫn dắt của một hoặc kết hợp giữa các chủ thể tổng quát đó.

1.3.3. Khung phân tích của luận án

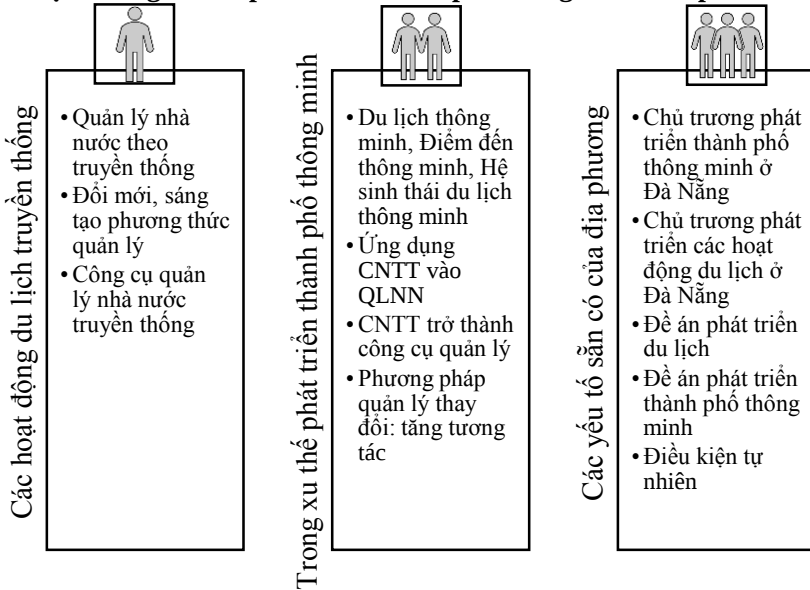
Hình 1.1. Khung phân tích khái quát của luận án



Nguồn: NCS tự xây dựng

Tuy nhiên, với một đề tài nghiên cứu kết hợp giữa phương pháp định tính và một chút phương pháp định lượng, chủ yếu là sử dụng phương pháp định tính làm nền tảng phân tích, thì khung phân tích luận án sẽ được cụ thể hóa thành Hình 1.2 sau đây:

Hình 1.2. Khung phân tích quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh



Nguồn: NCS xây dựng

Chương 2.

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRONG XU THẾ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ THÔNG MINH Ở CẤP TỈNH

2.1. Khái quát về quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh

2.1.1. Khái niệm hoạt động du lịch, thành phố thông minh và xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh

2.1.1.1. Khái niệm hoạt động du lịch

NCS đề xuất một khái niệm HDDL dưới góc nhìn của QLNN như sau: *HDDL, với tư cách là một đối tượng của QLNN, là tập hợp các hoạt động của cá nhân và tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch và cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến du lịch.*

2.1.1.2. Khái niệm thành phố thông minh

Trong Luận án này, NCS coi TPTM là một thành phố là một hành phố được phát triển mà các vấn đề của thành phố được giải quyết dựa trên nền tảng ứng dụng CNTT; người dân được tham gia và trao quyền một cách hợp lý và các nguồn lực con người, xã hội được đầu tư và sử dụng hiệu quả.

2.1.1.3. Khái niệm xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh

Trong nghiên cứu này, NCS hiểu xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh là quá trình chuyển biến dần dần của các thành phố truyền thống trên cơ sở ứng dụng những công nghệ số hóa, cơ sở dữ liệu số và các nền tảng công nghệ để sự phát triển của thành phố trở nên bền vững hơn, tiết kiệm năng lượng hơn, hướng trọng tâm tới người dân và doanh nghiệp; đồng thời, công tác QLNN cũng trở nên hiệu lực, hiệu quả hơn do có sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và đặc biệt là việc ứng dụng các CNTT phù hợp, tương thích để kết nối tốt hơn giữa các thành phố với nhau.

2.1.2. Các loại hình hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh

2.1.3. Khái niệm quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh

Thứ nhất, khái niệm quản lý nhà nước đối với HDDL

Trong nghiên cứu này, NCS hiểu QLNN đối với HDDL ở cấp tỉnh là việc cơ quan QLNN sử dụng các công cụ QLNN theo thẩm quyền được phân công, phân quyền, ủy quyền trên cơ sở luật định để tác động tới hoạt động du lịch nhằm định hướng, hướng dẫn, điều tiết, điều chỉnh các hoạt

động du lịch của các nhân, tổ chức kinh doanh du lịch theo mục tiêu của cơ quan quản lý nhà nước.

Thứ hai, khái niệm QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh

Khái niệm QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh là việc chính quyền tỉnh chấp hành và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật để định hướng, hướng dẫn, điều tiết, điều chỉnh các HDDL theo quy định của pháp luật; với mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả chấp hành và tổ chức thực hiện để đem lại nhiều giá trị hơn cho các bên có liên quan trong lĩnh vực du lịch bằng việc ứng dụng các công nghệ thông minh, công nghệ số hóa; được thể hiện bằng văn bản hoặc tập hợp các văn bản trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh.

2.2. Cơ sở lý thuyết, nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế xây dựng thành phố thông minh ở cấp tỉnh và nhân tố ảnh hưởng

2.2.1. Cơ sở lý thuyết của nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh

Lý thuyết về các bên có liên quan (tiếng Anh gọi là Theory of stakeholders) lần đầu tiên được Freeman (1984) đưa ra trong một nghiên cứu có ảnh hưởng của ông. Các bên có liên quan ở đây có thể nhóm về thành hai dạng: (i) chủ thể; và (ii) các bên còn lại. Freeman (1984) đưa ra khái niệm về các bên có liên quan, mà NCS sử dụng để làm cơ sở lý thuyết trong nghiên cứu này, như sau: *bất kỳ một nhóm hoặc cá nhân có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng từ việc thực hiện các mục tiêu của tổ chức hoặc doanh nghiệp* [104]. Theo đó, ông cũng đưa ra ba đặc tính để xác định vai trò của các bên có liên quan: (i) bên có liên quan có quyền lực ảnh hưởng tới tổ chức (Quyền lực); (ii) tính chính danh của các bên có liên quan trong mối quan hệ với tổ chức (Chính danh); và (iii) tính khẩn cấp của nhu cầu của các bên có liên quan tới tổ chức (Khẩn cấp).

2.2.2. Chủ thể, mục tiêu của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh

2.2.2.1. Chủ thể QLNN đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh

Chủ thể của QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh là chính quyền cấp tỉnh, cụ thể là UBND cấp tỉnh. UBND cấp tỉnh trao quyền, ủy quyền, phân quyền thực hiện các công việc QLNN khác nhau cho các Sở của tỉnh phụ thuộc vào phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ban hành chính sách. Do QLNN đối với HDDL ở cấp tỉnh

là một tập hợp nhiều hoạt động quản lý khác nhau với những mục tiêu khác nhau. Các hoạt động quản lý đó có thể có mục tiêu phát triển toàn diện các HDDL nhưng cũng có thể có những hoạt động QLNN chỉ tập trung vào một hoặc một số HDDL. Đối với những hoạt động QLNN có phạm vi tác động địa lý trên toàn bộ địa bàn tỉnh, đa dạng cả về đối tượng của chính sách và mang tính liên ngành thì UBND tỉnh sẽ là chủ thể của hoạt động QLNN.

2.2.2.2. Mục tiêu của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh

(1) Tạo lập khung khổ thể chế rõ ràng; (2) thúc đẩy hợp tác công tư; (3) phát triển nguồn nhân lực; (4) phát triển sản phẩm du lịch đa dạng; (5) áp dụng công nghệ số trong QLNN đối với HDDL.

Do đó, việc thực hiện các mục tiêu của QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh cần theo những nguyên tắc sau đây:

(1) Mục tiêu của QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh phải là một thành tố của hệ thống các mục tiêu tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần hình thành hệ thống mục tiêu hỗ trợ lẫn nhau; (2) chính quyền tỉnh phải lựa chọn được mục tiêu ưu tiên QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh cho từng giai đoạn phát triển; (3) về tính hiện thực của mục tiêu; (4) nguyên tắc cân nhắc lợi, hại.

2.2.3. Nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh

2.2.3.1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh

Để có thể thực hiện các nhiệm vụ QLNN đối với HDDL nói chung, trong bối cảnh phát triển TPTM ở cấp tỉnh nói riêng, chủ thể QLNN cần xác định chiến lược QLNN, kế hoạch QLNN. Trong đó, chiến lược QLNN nhấn mạnh đến dài hạn, tầm nhìn xa; kế hoạch QLNN đặt trọng tâm ở trong ngắn hạn, giải quyết những vấn đề hiện tại. Chiến lược QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh là một tập hợp các quan điểm, phương hướng, mục tiêu, giải pháp hoặc nhiệm vụ QLNN được phân công cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị có liên quan đến các HDDL. Chủ thể của chiến lược QLNN đối với HDDL trong xu thế xây dựng đô thị ở cấp tỉnh là UBND tỉnh; và trong từng tình huống cụ thể có thể phân công, phân cấp cho các Sở chuyên ngành giúp cho UBND tỉnh thực hiện.

2.2.3.2. Tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch quản lý nhà nước đối với

hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh

(1) Công tác lãnh đạo, quản lý; (2) phân công nhiệm vụ cho các đơn vị QLNN có liên quan; (3) trên cơ sở phân công nhiệm vụ cụ thể, các đơn vị QLNN có liên quan đến QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM tổ chức bộ máy để triển khai; (4) tổ chức thực hiện các hoạt động quảng bá, xúc tiến phát triển HDDL, và các hoạt động khác QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh; (5) phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho HDDL trong xu thế phát triển TPTM; (6) quản lý nguồn lực tài chính cho các HDDL trong xu thế phát triển TPTM; (7) thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế với các đối tác nước ngoài để thúc đẩy việc mở rộng thị trường HDDL

2.2.3.3. Kiểm tra, giám sát công tác tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh

Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện theo các hoạt động sau: (i) kiểm tra bằng việc báo cáo thường xuyên của các đơn vị có liên quan theo nhiệm vụ QLNN được phân công; (ii) kiểm tra định kỳ theo kế hoạch; và (iii) kiểm tra đột xuất khi phát hiện những tình huống không bình thường để kịp thời xử lý, giải quyết.

2.2.4. Nhân tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh

2.2.4.1. Các nhân tố khách quan

(1) Bản chất của vấn đề cần giải quyết của quản lý nhà nước đối với HDDL trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh; (2) biến động các HDDL quốc tế và các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh; (3) tiềm lực kinh tế của các nhóm đối tượng quản lý của QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh; (4) hội nhập và hợp tác quốc tế; (5) sự phát triển của TPTM ở cấp tỉnh.

2.2.4.2. Các nhân tố chủ quan

(1) Bộ máy và cán bộ làm nhiệm vụ tổ chức thực hiện nhiệm vụ QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh; (2) thủ tục hành chính; (3) các yếu tố giao tiếp, truyền đạt; (4) kinh phí thực thi các nhiệm vụ QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở cấp tỉnh.

2.3. Kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở cấp tỉnh tại một số địa phương trên thế giới và bài học cho thành phố Đà Nẵng

2.3.1. Kinh nghiệm của thành phố Seoul, Hàn Quốc

(1) Về hệ thống cơ sở hạ tầng của du lịch thông minh của thành phố Seoul; (2) sự ứng dụng quản trị thông minh vào QLNN đối với HDDL ở thành phố Seoul; (3) sự phát triển Internet vạn vật (IoT) và các sáng kiến liên quan đến phát triển ứng dụng thông minh sử dụng trong công tác QLNN đối với HDDL ở thành phố Seoul, Hàn Quốc

2.3.2. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch ở thành phố Barcelona, Tây Ban Nha

(1) Từ quản lý nhà nước đối với du lịch đại chúng sang quản lý nhà nước đối với du lịch ở TPTM; (2) QLNN đối với giao thông vận tải để giảm thiểu sự tắc nghẽn và dịch chuyển của khách du lịch ở thành phố này; (3) ứng dụng CNTT vào thực hiện công tác QLNN đối với HDDL trong ùng còn chưa gì cả; (4) sự tham gia của người dân thành phố Bacerlona

2.4.3. Bài học kinh nghiệm đối với thành phố Đà Nẵng

(1) Ứng dụng CNTT vào QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở thành phố Đà Nẵng; (2) tăng cường sự tham gia của người dân trong xây dựng nội dung và tổ chức thực hiện nhiệm vụ QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở thành phố Đà Nẵng; (3) gia tăng năng lực của các đơn vị QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở thành phố Đà Nẵng.

Chương 3.

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRONG XU THẾ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THÔNG MINH

3.1. Thực trạng phát triển các hoạt động du lịch ở thành phố Đà Nẵng

3.1.1. Thực trạng khách du lịch đến thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011 - 2023

Trong giai đoạn 2011 – 2023, khách du lịch đến thành phố Đà Nẵng cộng dồn là gần 62 triệu lượt khách, trong đó có gần 18 triệu lượt khách đến từ nước ngoài và gần 44 triệu lượt khách du lịch. Theo đó, tỷ trọng du khách từ nước ngoài cộng dồn là xấp xỉ 29%, tỷ trọng du khách nội địa cộng dồn là 71%. Điều đó phản ánh động lực phát triển các HDDL

3.1.2. Thực trạng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển hoạt động du lịch

3.1.2.1. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ phát triển hoạt động du lịch

(1) Về hệ thống cơ sở lưu trú khách du lịch; (2) về hệ thống khu, điểm du lịch; (3) hệ thống cơ sở vui chơi giải trí, mua sắm, ăn uống.

3.1.2.2. Cơ sở hạ tầng giao thông và phương tiện công cộng cho du lịch

(1) Về hạ tầng đường bộ; (2) Về vận tải hành khách công cộng; (3) Về hạ tầng đường hàng không; (4) Về hạ tầng đường biển; (5) Về hạ tầng đường thủy nội địa; (6) Về hạ tầng đường sắt.

3.1.3. Thực trạng doanh nghiệp lữ hành

Hoạt động kinh doanh lữ hành của Đà Nẵng phát triển khá ổn định trong giai đoạn 2011 – 2023, nhưng do Covid-19 nên sự ổn định bị ảnh hưởng khá mạnh. Năm 2023 có 525 doanh nghiệp lữ hành, tăng 412 đơn vị so với năm 2011 (Hình 3.4), gồm 117 doanh nghiệp lữ hành nội địa, 316 đơn vị lữ hành quốc tế, 52 chi nhánh lữ hành quốc tế, 25 văn phòng đại diện, 10 đại lý, và 05 văn phòng đại diện doanh nghiệp lữ hành nước ngoài.

3.1.4. Thực trạng nguồn nhân lực du lịch

Trong giai đoạn 2011 – 2023, số lượng lao động trong ngành du lịch của thành phố tăng từ 13.903 người trong năm 2011 lên đỉnh cao nhất là 50.963 người trong năm 2019 (tăng gấp 3,6 lần trước dịch Covid-19). Sau đó tụt xuống mức thấp nhất trong thời kỳ dịch bệnh khi chỉ còn 10.342 người.

3.2. Phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch ở thành phố Đà Nẵng trong xu thế phát triển thành phố thông minh

3.2.1. Thực trạng xây dựng chiến lược, kế hoạch quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở Đà Nẵng

Trong những năm trước 2016, lĩnh vực du lịch ở thành phố Đà Nẵng là một trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, do đó việc xây dựng chiến lược QLNN chưa được đặt ra đối với riêng lĩnh vực du lịch. Do đó, QLNN ở địa phương đối với các HDDL chịu ảnh hưởng trực tiếp của các lĩnh vực văn hóa và thể thao. Kể từ năm 2016 trở lại đây, lĩnh vực du lịch được tách ra khỏi văn hóa, thể thao và trở thành một lĩnh vực độc lập. Theo đó, từ năm 2016 trở lại đây, việc lập chiến lược QLNN đối với HDDL đã trở nên cá biệt hóa và không chịu tác động trực tiếp từ lĩnh vực văn hóa, thể thao.

3.2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở thành phố Đà Nẵng

(1) Thực trạng công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý; (2) thực trạng phân công nhiệm vụ cho các đơn vị QLNN có liên quan; (3) thực trạng bộ máy tổ chức thực hiện và công tác vận hành; (4) thực trạng thực hiện các nhiệm vụ QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở Đà Nẵng; (5) thực trạng tổ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho HDDL trong xu thế phát triển TPTM; (6) về công tác huy động, sử dụng và phân bổ nguồn lực tài chính; (7) công tác hợp tác quốc tế trong QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở Đà Nẵng.

3.2.3. Thực trạng kiểm tra, giám sát công tác tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở Đà Nẵng

Để triển khai cụ thể các Quyết định, Kế hoạch của UBND thành phố, Sở đã ban hành và rà soát các nhiệm vụ trọng tâm giao các phòng, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở và Chương trình công tác hằng năm của Sở.

3.3. Đánh giá quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch ở thành phố Đà Nẵng trong xu thế phát triển thành phố thông minh

3.3.1. Những kết quả đạt được của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch ở thành phố Đà Nẵng trong xu thế phát triển thành phố thông minh

(1) Các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của thành phố Đà Nẵng đã cụ thể hóa sự nhất quán coi du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố bằng những biện pháp thiết thực mà kết quả đạt được rất đáng khích lệ; (2) thị trường khách du lịch ở thành phố Đà Nẵng đã không ngừng phát triển và mở rộng trong xu hướng xây dựng TPTM; (3) công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch được lãnh đạo thành phố quan tâm và chú trọng thúc đẩy; (4) chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch được thúc

đẩy mạnh mẽ và đã đạt được nhiều kết quả tích cực khích lệ; (5) xu hướng phát triển TPTM ở thành phố Đà Nẵng đã thúc đẩy sự đổi mới của công tác QLNN đối với HDDL.

3.3.2. Một số hạn chế của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở Đà Nẵng và nguyên nhân

3.3.2.1. Một số hạn chế

(1) Việc phân bổ không gian của các khu, điểm du lịch ở thành phố Đà Nẵng còn chưa thực sự hiệu quả đối với việc kết nối giữa các HDDL với hệ thống cơ sở hạ tầng; (2) kết quả của việc cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của thành ủy Đà Nẵng về phát triển du lịch đường thủy nội địa còn khiêm tốn; (3) công tác quy hoạch cơ sở lưu trú du lịch, các khu, điểm du lịch còn chưa thực sự hợp lý, chưa khai thác được toàn diện các tiềm năng; (4) hạ tầng giao thông phục vụ cho du lịch chưa được phát triển và sử dụng hiệu quả; (5) công tác QLNN đối với sự phát triển sản phẩm du lịch của Đà Nẵng chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của ngành, còn thiếu vắng những sản phẩm đặc trưng

3.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

(1) Mặc dù cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch phát triển khá nhanh nhưng chưa đáp ứng kịp thời được xu hướng phát triển mới của du lịch, đặc biệt đối với việc cung ứng dịch vụ du lịch thông minh, điểm đến thông minh hệ sinh thái du lịch thông minh; (2) công tác quảng bá hình ảnh về các loại hình du lịch của thành phố Đà Nẵng chưa đáp ứng được toàn diện các yêu cầu trong bối cảnh mới của phát triển TPTM ở Đà Nẵng; (3) mối quan hệ giữa doanh nghiệp cung ứng dịch vụ du lịch với cơ quan QLNN đối với ngành du lịch ở thành phố Đà Nẵng chưa thực sự chặt chẽ và dựa trên nhu cầu của các bên; (4) năng lực quản lý hệ thống của cơ quan QLNN đối với lĩnh vực du lịch của thành phố Đà Nẵng chưa thực sự được nâng lên phù hợp với trạng thái phát triển của lĩnh vực du lịch của thành phố.

Chương 4.

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRONG XU THẾ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ THÔNG MINH Ở ĐÀ NẴNG

4.1. Phân tích SWOT của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở thành phố Đà Nẵng

4.1.1. So sánh tầm quan trọng giữa điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức

Với trọng số của điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức lần lượt là 0,4377, 0,1313, 0,3133, và 0,1177, chiến lược QLNN đối với HDDL ở thành phố Đà Nẵng trong xu hướng xây dựng TPTM cần thực hiện với phương châm sau đây: *phát huy điểm mạnh, tận dụng cơ hội, khắc phục điểm yếu và vượt qua thách thức.*

4.1.2. Hoạch định các giải pháp có tính chiến lược của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở thành phố Đà Nẵng

Từ kết quả xác định thứ tự ưu tiên và lựa chọn chiến lược giữa ba phương án cho thấy sự gần sát nhau của các phương án. Theo đó, phương án chiến lược do chính quyền dẫn dắt đạt 4,5 tổng điểm hấp dẫn, phương án chiến lược do doanh nghiệp dẫn dắt đạt 4,46 tổng điểm hấp dẫn, và phương án chiến lược do người tiêu dùng dẫn dắt đạt 4,4 tổng điểm hấp dẫn. Với kết quả đó, phương án chiến lược quản lý do chính quyền dẫn dắt sẽ được đề xuất để chính quyền thành phố Đà Nẵng thực hiện trong thực hiện công tác QLNN đối với HDDL trong xu hướng xây dựng thành phố Đà Nẵng thông minh. Tuy nhiên, do tổng điểm hấp dẫn của các phương án chiến lược còn lại khá gần với phương án chiến lược lựa chọn nên giữa ba phương án chiến lược này sẽ cần cân nhắc sự kết hợp cho hài hòa.

4.1.3. Sắp xếp các lựa chọn các giải pháp có tính chiến lược của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở Đà Nẵng

Theo đó, trọng tâm chiến lược quản lý đối với du lịch ở thành phố Đà Nẵng trong xu thế phát triển TPTM sẽ là *tập trung vào thúc đẩy các điểm mạnh hiện có để gia tăng tốc độ tăng trưởng của ngành, kết hợp với việc xây dựng các điểm, khu du lịch trên cơ sở các điểm mạnh để hiện thực hóa các cơ hội* của thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn phát triển sắp tới của lĩnh vực du lịch.

Chiến lược quản lý ưu tiên thứ hai đối với thành phố Đà Nẵng là chiến lược ST, theo đó cần phải sử dụng các điểm mạnh để vượt qua thách thức.

Chiến lược quản lý ưu tiên thứ ba đối với thành phố Đà Nẵng trong nghiên cứu này là chiến lược WO, *vượt qua điểm yếu bằng việc tận dụng các cơ hội.*

Các chiến lược QLNN đối với HDDL ở thành phố Đà Nẵng trong xu thế phát triển TPTM cần được thực hiện dưới lựa chọn hướng tiếp cận là *chiến lược quản lý do nhà nước dẫn dắt* đã đề cập ở trong Chương 3. Điều đó hàm ý rõ ràng là cơ quan quản lý trong hệ thống chính quyền của thành phố Đà Nẵng sẽ có vai trò chủ đạo, dẫn dắt các bên có liên quan khác trong quá trình thực hiện các chiến lược quản lý thuộc vùng chiến lược *tăng trưởng và xây dựng.*

4.2. Quan điểm và bối cảnh mới của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở Đà Nẵng

4.2.1. Quan điểm

(1) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong QLNN đối với HDDL; (2) phải hỗ trợ hợp tác công tư trong phát triển các HDDL; (3) phải đảm bảo sự phát triển của môi trường du lịch, phát triển các HDDL mới; (4) phải đảm bảo sự phát triển chất lượng nguồn nhân lực.

4.2.2. Bối cảnh mới của công tác QLNN đối với HDDL trong xu thế phát triển TPTM ở Đà Nẵng

(1) Xu thế phát triển TPTM có nhiều tác động đến HDDL; (2) đổi mới công tác QLNN trong bối cảnh phát triển TPTM ở Đà Nẵng; (3) áp lực ứng dụng CNTT trong QLNN đối với HDDL; (4) thách thức mới của công tác QLNN.

4.3. Một số giải pháp có tính chiến lược của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở Đà Nẵng

4.3.1. Nhóm giải pháp có tính chiến lược nhằm gia tăng năng lực quản lý hệ thống của các cơ quan quản lý nhà nước

(1) Tiếp tục nhất quán trong định hướng phát triển và tích hợp phát triển du lịch trong các kế hoạch phát triển ngành kinh tế khác; (2) thúc đẩy quá trình hoàn thiện thể chế để người dân thực sự tham gia vào phát triển du lịch và hưởng lợi từ du lịch; (3) tăng cường ứng dụng CNTT để mở rộng và sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng của ngành du lịch; (4) gia tăng sự đa dạng loại hình tổ chức cung cấp dịch vụ du lịch, kết hợp với thúc đẩy quảng bá sản phẩm du lịch của tỉnh để thu hút thêm khách du lịch ở trong và ngoài nước

4.3.2. Nhóm giải pháp có tính chiến lược nhằm củng cố và phát triển

mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước

(1) Tăng cường thông tin về những cam kết cho các bên có liên quan và thông tin thường xuyên về các thể mạnh của thành phố trong phát triển du lịch; (2) tập trung hoàn thiện thể chế thúc đẩy các HDDL phát triển trong xu hướng xây dựng TPTM ở Đà Nẵng; (3) tăng cường sử dụng các ứng dụng trên thiết bị thông minh trong việc truyền tải các chủ trương, chính sách về phát triển du lịch tới các bên có liên quan; (4) sử dụng các mạng lưới xã hội để thúc đẩy/gia tăng việc trao đổi thông tin liên quan đến du lịch; (6) củng cố nền tảng văn hóa, tăng cường sự tham gia của các bên có liên quan và tiếp tục hoàn thiện thể chế giám sát cộng đồng để thực hiện các đề án, dự án phát triển du lịch tốt hơn

4.3.3. Nhóm giải pháp có tính chiến lược của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong xu thế phát triển thành phố thông minh ở Đà Nẵng nhằm

(1) Tăng cường trách nhiệm của các bên có liên quan, đặc biệt đối với chính quyền thành phố, trong việc giải quyết những vấn đề nóng liên quan đến đưa tài nguyên thiên nhiên vào quá trình kinh doanh các dịch vụ du lịch; (2) tập trung thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển du lịch bằng ưu tiên nguồn lực nội sinh của thành phố Đà Nẵng; (3) mở rộng phạm vi tham gia QLNN đối với cộng đồng dân cư, kết hợp với việc đặt sự phát triển du lịch của thành phố trong tổng thể vùng; (4) đẩy mạnh việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch thông qua các chương trình quảng bá hình ảnh, tiềm năng phát triển của du lịch ở thành phố Đà Nẵng

4.3.4. Nhóm giải pháp có tính chiến lược nhằm thực hiện công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh các hoạt động du lịch tốt hơn, hiệu quả hơn

(1) Tuyên truyền sâu, rộng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong các HDDL tới các bên có liên quan; (2) đổi mới cơ chế tài chính để thúc đẩy đầu tư nội bộ của thành phố Đà Nẵng và thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp bên ngoài vào phát triển các HDDL; (3) cải thiện quản lý tiến độ thực hiện của các đề án, dự án trong lĩnh vực du lịch, đặc biệt chú trọng đến sự cân bằng giữa phát triển du lịch và môi trường; (4) tăng cường chia sẻ thông tin về các báo cáo đánh giá thực trạng và chính sách phát triển lĩnh vực du lịch tới các bên có liên quan.

4.3.5. Một số giải pháp quản lý nhà nước đối với sự phát triển các hoạt động du lịch thông minh, điểm đến thông minh và hệ sinh thái thông minh

(1) Nhóm giải pháp QLNN đối với sự phát triển các HDDL thông minh; (2) nhóm giải pháp QLNN đối với sự phát triển của điểm đến thông minh; (3) nhóm giải pháp QLNN đối với sự phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh.

KẾT LUẬN

(1) Sử dụng kết hợp lý thuyết về các bên có liên quan và lý thuyết về QLNN làm nền tảng cho việc xác định các nội dung nghiên cứu cũng như nội dung của phỏng vấn chuyên sâu các chuyên gia đã và đang công tác trong các cơ quan QLNN của chính quyền thành phố Đà Nẵng, các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch. Đồng thời, sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích ma trận chiến lược, NCS đã thực hiện nhiều vòng phỏng vấn khác nhau với các chuyên gia trên để xác định được những điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức; cũng như các chiến lược quản lý được xác lập từ việc kết hợp các yếu tố của điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức; (2) trong phân tích thực trạng QLNN đối với HDDL ở thành phố Đà Nẵng, việc sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích ma trận chiến lược đã cho thấy được những chiến lược quản lý tiềm năng của thành phố Đà Nẵng đối với HDDL; (3) với những chiến lược đã được lựa chọn ở trong phần phân tích thực trạng QLNN đối với HDDL ở thành phố Đà Nẵng trong xu thế phát triển TPTM, NCS đã đề xuất một hệ thống các giải pháp và biện pháp; (4) mặc dù có nhiều cố gắng, nỗ lực trong thực hiện nghiên cứu với nhận thức rõ ràng về khả năng lồng ghép những suy nghĩ, nhận định chủ quan của cá nhân và các chuyên gia, kết quả nghiên cứu của luận án không thể loại trừ được hết các thiên kiến của những người tham gia phỏng vấn sâu.

Mặc dù còn có nhiều thiếu sót, hạn chế, nhưng luận án đã có những đóng góp mới sau đây:

(1) Về mặt lý thuyết, NCS đã chứng minh được việc sử dụng lý thuyết các bên có liên quan làm nền tảng cho phân tích lý thuyết trong QLNN đối với HDDL ở cấp tỉnh là phù hợp; (2) về mặt phương pháp nghiên cứu, NCS đã chứng minh được việc sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích ma trận chiến lược là phù hợp với QLNN đối với HDDL ở cấp tỉnh; (3) các chiến lược quản lý do NCS đề xuất trong nghiên cứu này được xác định dựa trên phân tích thực trạng QLNN đối với HDDL ở thành phố Đà Nẵng trong xu thế phát triển TPTM trên cơ sở vận dụng lý thuyết các bên có liên quan là đáng tin cậy; (4) hệ thống các giải pháp, biện pháp hoàn thiện QLNN đối với HDDL ở thành phố Đà Nẵng trong xu thế phát triển TPTM được đúc rút dựa trên kết quả phân tích đáng tin cậy sẽ giúp cho các nhà quản lý ở thành phố Đà Nẵng thêm niềm tin trong ứng dụng vào thực tế.

CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA NCS CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Cao Đình Hải (9/2018), *Phát triển dịch vụ du lịch thành phố Đà Nẵng trong hội nhập quốc tế*, Tạp chí Kinh tế và Quản lý, số 27 (09-2018), trang 79-80
2. Cao Đình Hải (4/2024), *Thực trạng phát triển ngành dịch vụ du lịch ở thành phố Đà Nẵng năm 2023 và một số giải pháp trọng tâm trong năm 2024*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN 1459-4972, trang 214-217.
3. Cao Đình Hải (5/2024), *Đầu tư phát triển dịch vụ du lịch ở thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011 – 2023 Một số vấn đề đặt ra và giải pháp khắc phục*”, Tạp chí Tài chính, Số 824, trang 208-211.
4. Cao Đình Hải – Đỗ Tất Cường (2024), *Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn ở thành phố Đà Nẵng theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị*, Tạp chí Lý luận Chính trị - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, bản điện tử, tháng 05/2024, <http://lyluanchinhtri.vn/>
5. Cao Đình Hải – Đỗ Tất Cường (03/2024), *Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch thông minh của thế giới và bài học cho tỉnh Điện Biên*, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia đồng chủ trì của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Điện Biên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, trang 419 – 452.
6. Cao Đình Hải (7/2022), *Tourism development Policy in the trend of development of Danang City*, in the Proceedings the fifth international conference on sustainable economic development and business management in the context of globalisation (SEDBM-5), Financial Publishing House, Hanoi, 894 – 902.
7. Cao Đình Hải – Đỗ Tất Cường (04/2024) *Da Nang: developing tourism into a key economic sector*, Political Theory Online Journal, Political Theory Online Journal, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Số 554 (4-2024), Political Theory Online Journal, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Số 554 (4-2024), <http://lyluanchinhtri.vn/>